

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 32/2023/DS-PT

Ngày 24-4-2023

“ V/v tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH G

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Sỹ

Ông Lưu Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên.

Từ ngày 21 tháng 4 đến ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại Toà án nhân dân tỉnh G, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về *“Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DSST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân T phố P, tỉnh G bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 2 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: 340 Nguyễn Viết Xuân, phường Hội Phú, T phố P, tỉnh G.

Bà Nguyễn Thị Đ có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ: Ông Đỗ Trúc L, Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Lâm Trí Việt, thuộc Đoàn Luật sư T phố H.

Ông Đỗ Trúc L có mặt.

2. Bà Lưu Thị M, địa chỉ: Hẻm 315 Nguyễn Viết Xuân, tổ 3, phường Hội Phú, T phố P, tỉnh G.

Bà Lưu Thị M có mặt.

Bị đơn:

1. Bà Phan Thị Thu L;

2. Anh Trần Đức T;

3. Cháu Trần Đức K, sinh ngày 6-6-2016.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Trần Đức K: Bà Phan Thị Thu L (là mẹ đẻ).

Các bị đơn cư trú cùng địa chỉ: Số 5A Trần Khánh Dư, T phố P, tỉnh G.

Bà Phan Thị Thu L, anh Trần Đức T, cháu Trần Đức K vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Thu L: Ông Trần Phước C và ông Đặng Ngọc B; Luật sư của Văn phòng Luật sư Bình M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G.

Ông Trần Phước C và ông Đặng Ngọc B vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DSST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M trình bày:

Ông Trần Văn Hồ là chồng của bà Phan Thị Thu L và là cha của anh Trần Đức T, cháu Trần Đức K.

Khi ông Hồ còn sống, do quen biết, nguyên đơn cho ông Hồ vay 1.500.000.000 đồng để làm ăn, buôn bán; tại “*Giấy vay tiền*” ngày 25-12-2017, ông Hồ ghi vay để đáo hạn ngân hàng và thời hạn vay là 7 ngày. Thực tế, hai bên thỏa thuận miệng với nhau là vay để làm ăn, buôn bán với thời hạn vay là 6 tháng và với lãi suất là 2%/tháng tính từ ngày 25-12-2017 đến ngày 25-6-2018.

Đến ngày 25-6-2018, ông Hồ mới trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 180.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc và số tiền lãi sau này, ông Hồ hứa khi nào bán được nhà sẽ trả; nhưng chưa bán được nhà, chưa trả được tiền nợ thì vào năm 2020, ông Hồ bị bệnh chết, không lập di chúc.

Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Đ trình bày về yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Thu L và xác Đ bà còn nợ của bà Phan Thị Thu L 410.000.000 đồng.

Đề nghị Tòa án buộc những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ là bà Phan Thị Thu L, anh Trần Đức T và cháu Trần Đức K phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền còn nợ là 1.090.000.000 đồng sau khi đã trừ 410.000.000 đồng nợ của bà L và không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Thu L yêu cầu bà Đ trả số tiền theo đối chiếu xác nhận nợ là 2.060.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Đ không chấp nhận vì sau khi đối chiếu hai bên phải ghi T giấy vay tiền và đây chỉ là bản nháp, chính bà L cũng thừa nhận chữ số ghi ngày tháng năm là 16-5-2020 do bà L tự viết, nên đối chiếu xác nhận nợ này không có giá trị pháp lý.

Bị đơn:

Bà Phan Thị Thu L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Thu L trình bày:

Ông Trần Văn Hồ chết ngày 14-2-2020, không để lại di chúc.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Văn Trần Hồ gồm có bà Phan Thị Thu L, anh Trần Đức T và cháu Trần Đức K.

Giữa bà Nguyễn Thị Đ và gia đình bà Phan Thị Thu L có làm ăn qua lại với nhau. Khi bà Phan Thị Thu L và bà Đ có nhu cầu về tiền để giải quyết công việc thì cả hai người trao đổi và vay với nhau.

Đối với khoản vay của ông Trần Văn Hồ ngày 25-12-2017, thì ông Hồ đã trả xong cho bà Đ ngay tại thời điểm đó rồi. Từ năm 2017 cho đến cuối năm 2019, khi ông Hồ còn sống, bà Phan Thị Thu L không nghe việc ông Hồ có vay hay nợ tiền của bà Đ, bà Đ cũng không có lần nào đến đòi nợ số tiền trên với vợ chồng bà L.

Cuối năm 2019 (*bà L không nhớ rõ ngày tháng*), tại quán cà phê cây Mận (*trước đây là quán cà phê HD*), ông Hồ đã yêu cầu bà Đ trả tiền để ông trả ngân hàng, nhưng bà Đ không trả, khi đó có anh Nguyễn Văn Phương là người làm chứng cho việc ông Hồ đòi tiền bà Đ.

Cũng trong quá trình làm ăn giữa bà Phan Thị Thu L và bà Đ, còn các khoản vay chưa tất toán với nhau, như ngày 16-5-2020, chính bà Đ là người viết cộng sổ sách tại nhà của bà Phan Thị Thu L và ghi nhận còn nợ bà Phan Thị Thu L 2.060.000.000 đồng và cũng trong ngày 16-5-2020, bà Đ mượn tiếp của bà Phan Thị Thu L 410.000.000 đồng. Như vậy, bà Đ còn nợ tiền gốc của bà Phan Thị Thu L 2.470.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M về việc buộc bà Phan Thị Thu L và các con có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ theo giấy vay tiền ngày 25-12-2017, thì bà Phan Thị Thu L không đồng ý vì số tiền này, theo ông Trần Văn H thì ông đã trả cho bà Đ rồi. Còn khoản tiền bà Đ nợ bà Phan Thị Thu L thì bà Phan Thị Thu L yêu cầu bà Đ phải trả dứt điểm một lần số tiền nợ gốc là 2.470.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng tính từ ngày 16-5-2020 đến khi giải quyết xong.

Anh Trần Đức T trình bày:

Anh nhất trí với lời trình bày của mẹ anh là bà Phan Thị Thu L.

Việc bà Đ và bà M kiện là không đúng, vì cha của anh là ông Trần Văn H không nợ bà Đ, bà M số tiền lớn như vậy.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G đã quyết định:

Áp dụng các Điều 275, 280, 385, 463, 466, 468, 469, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M; buộc bà Phan Thị Thu L, anh Trần Đức T và cháu Trần Đức K phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng trong phạm vi di sản do ông Trần Văn H để lại.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Thu L; buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Phan Thị Thu L tổng số tiền 2.944.322.333 đồng, trong đó tiền gốc là 2.470.000.000 đồng, tiền lãi là 474.322.333 đồng.

Bù trừ nghĩa vụ bà Nguyễn Thị Đ còn phải trả cho bà Phan Thị Thu L số tiền là 2.944.322.333 đồng - 1.500.000.000 đồng = 1.444.322.333 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán; thông báo quyền tự nguyện, thỏa thuận hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12-9-2022, bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Thu L đối với 2.060.000.000 đồng và lãi của số tiền này.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà Nguyễn Thị Đ giữ kháng cáo.

- Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Thu L vắng mặt.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên phần bản án sơ thẩm sơ thẩm đã xét xử về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có kháng cáo, kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử huỷ phần bản án sơ thẩm đã xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Thu L, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần bản án bị huỷ theo thủ tục sơ thẩm; buộc các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Tại bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định: “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ và chị Lưu Thị M; buộc chị Phan Thị Thu L, cháu Trần Đức T và Trần Đức K phải trả cho chị Nguyễn Thị Đ và chị Lưu Thị M số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), trong phạm vi di sản do anh Trần Văn H để lại*”; các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên phần quyết định này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[1.2] Các bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Thu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên

theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xem xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ:*

Cũng tại bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G còn quyết định:

“Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Thu L.

Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải trả cho chị Phan Thị Thu L tổng số tiền 2.944.322.333 đồng; trong đó nợ gốc là 2.470.000.000 đồng, tiền lãi là 474.322.333 đồng.

Bù trừ nghĩa vụ chị Nguyễn Thị Đ còn phải trả cho chị Phan Thị Thu L số tiền là 2.944.322.333 đồng - 1.500.000.000 đồng = 1.444.322.333 đồng”.

Phần quyết định này của bản án sơ thẩm bị một trong những nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo cho rằng bà không nợ bà Phan Thị Thu L 2.060.000.000 đồng như *“yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Thu L”*.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án và bản án sơ thẩm đều thể hiện rằng, bà Nguyễn Thị Đ chỉ thừa nhận bà có vay bà Phan Thị Thu L 410.000.000 đồng vào ngày 16-5-2020 trong tổng số 2.470.000.000 đồng mà bà Phan Thị Thu L *“phản tố”*; bà Nguyễn Thị Đ chấp nhận và đồng ý trừ đi 410.000.000 đồng đó. Tuy nhiên, đây chỉ là lời khai của bà Nguyễn Thị Đ.

Khoản 1 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn”.

Điều luật trên quy định rằng, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, sau khi bị đơn phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đây là vụ án có quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại* và nguyên đơn là 2 người gồm bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M, bị đơn là 3 người gồm bà Phan Thị Thu L và anh Trần Đức T, cháu Trần Đức K chứ không phải nguyên đơn là một mình bà Nguyễn Thị Đ và bị đơn là một mình bà Phan Thị Thu L.

Như vậy, Tòa án không thể thụ lý yêu cầu phản tố trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định *“chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Thu L”* là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; bản án sơ thẩm tự tiện tuyên xử *“Bù trừ nghĩa vụ, chị Nguyễn Thị Đ còn phải trả cho chị Phan Thị Thu L số tiền là 2.944.322.333 đồng - 1.500.000.000 đồng = 1.444.322.333 đồng”* là không đúng; vì quyết định như vậy là đã tước đi quyền được thi hành án của bà Lưu Thị M. Mặt khác, anh Trần Đức T, cháu Trần Đức K không phải thực hiện việc thi hành án trong phạm vi di sản do ông Trần Văn H để lại là mâu thuẫn với quyết định của bản án sơ

thẩm: “1. Buộc chị Phan Thị Thu L, cháu Trần Đức T và Trần Đức K phải trả cho chị Nguyễn Thị Đ và chị Lưu Thị M số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), trong phạm vi di sản do anh Trần Văn H để lại”.

Đối chiếu với quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự thì một mình bà Phan Thị Thu L không thể là bị đơn của vụ án (mà vụ án này có 3 bị đơn), nên bà Phan Thị Thu L không thể phản tố đối với nguyên đơn trong vụ án này; nếu bà Phan Thị Thu L tranh chấp với bà Nguyễn Thị Đ về hợp đồng dân sự vay 2.470.000.000 đồng và có đơn khởi kiện thì Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Từ đánh giá và nhận định trên đây, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như nhận định tại phần [1] và hủy phần bản án sơ thẩm liên quan đến yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Thu L đã xét xử nội dung: “Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Thu L: Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải trả cho chị Phan Thị Thu L tổng số tiền 2.944.322.333đ (Hai tỷ chín trăm bốn bốn triệu ba trăm hai hai nghìn ba trăm ba ba đồng) trong đó tiền gốc là 2.470.000.000đ tiền lãi là 474.322.333đ...Bù trừ nghĩa vụ chị Nguyễn Thị Đ còn phải trả cho chị Phan Thị Thu L số tiền là $2.944.322.333đ - 1.500.000.000đ = 1.444.322.333đ$ (Một tỷ bốn trăm bốn bốn triệu ba trăm hai hai nghìn ba trăm ba ba đồng)”, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần bản án bị hủy theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với 1.500.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.500.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với 1.500.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện.

Đối với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Phan Thị Thu L đã nộp là 43.812.000 đồng theo Biên lai số 0001022 ngày 12-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G thì sẽ được xác định lại khi Tòa án giải quyết lại phần bản án bị hủy theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 và khoản 3 Điều 308, Điều 309, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26, 29 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên phần Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G đã xét xử vụ án về “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M với bị đơn là bà Phan Thị Thu L, anh Trần Đức T và anh Trần Đức K như sau:

Áp dụng các Điều 275, Điều 280 và Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M.

Buộc bà Phan Thị Thu L, anh Trần Đức T và cháu Trần Đức K phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M số tiền 1.500.000.000 đồng trong phạm vi di sản do ông Trần Văn H để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ 28.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000921 ngày 25-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố P, tỉnh G.

Bà Phan Thị Thu L, anh Trần Đức T và cháu Trần Đức K phải chịu 57.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Hủy phần Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G đã xét xử vụ án về “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ và bà Lưu Thị M với bị đơn là bà Phan Thị Thu L, anh Trần Đức T và anh Trần Đức K về nội dung: “*Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị Thu L: Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải trả cho chị Phan Thị Thu L tổng số tiền 2.944.322.333đ (Hai tỷ chín trăm bốn bốn triệu ba trăm hai hai nghìn ba trăm ba ba đồng) trong đó tiền gốc là 2.470.000.000đ tiền lãi là 474.322.333đ...Bù trừ nghĩa vụ chị Nguyễn Thị Đ còn phải trả cho chị Phan Thị Thu L số tiền là 2.944.322.333đ – 1.500.000.000đ = 1.444.322.333đ (Một tỷ bốn trăm bốn bốn triệu ba trăm hai hai nghìn ba trăm ba ba đồng)*” và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần bản án bị hủy theo thủ tục sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Phan Thị Thu L đã nộp là

43.812.000 đồng theo Biên lai số 0001022 ngày 12-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G sẽ được xác định lại khi Tòa án giải quyết lại phần bản án bị hủy theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002428 ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G;

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh G;
- TAND T phố P;
- Chi cục THA dân sự T phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tiến Dũng

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Anh Tuấn

Nguyễn Tiến Sỹ

Phan Tiến Dũng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh G;
- TAND T phố P;
- Chi cục THA dân sự T phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tiến Dũng

